

Bài 101. Kinh Tăng Chi | Chương Bốn pháp | Phẩm Các Căn | Sư Giác Nguyên giảng 06/08/2018

Có một chuyện mà tôi muốn nhắc lại cho bà con nhớ. Tức là có chỗ nói đến con đường giải thoát, Đức Phật Ngài nói đến Thất Tịnh, Bát Chánh Đạo, Thất Giác Chi, Ngũ Căn, Ngũ Lực, Tứ Như Ý Túc, Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần. Có chỗ Ngài nói 37 Phẩm Bồ Đề, tùy chỗ Ngài nói rộng hay nói gọn.

Ở đây có điểm đặc biệt là Ngài kể có bốn căn thôi, tức là bốn quyền. Tức là Ngài nói đến: Tín, Tấn, Niệm, Định mà Ngài không nói đến Tuệ.

Bốn căn

1. Tín căn, tức chánh tín: nghĩa là có niềm tin đúng đắn, chín chắn nơi Đức Phật, nơi giáo pháp và nơi Tăng Bảo. Niềm tin vào pháp môn hành trì, niềm tin vào những gì mà Đức Phật giảng dạy đối với Bốn Đế, Mười Hai Duyên Khởi, 37 Pháp Bồ Đề...

2. Tấn căn: với niềm tin như vậy, cộng với sự tu tập tinh tấn gồm Tứ Chánh Cần: “thận, trừ, tu, bảo”.

Thận: là nỗ lực đối phó, đề phòng những ác pháp chưa có.

Trừ căn: là đối phó với những ác pháp đang có mặt, vừa có mặt.

Tu căn: nỗ lực phát triển những thiện pháp chưa có.

Bảo căn: gìn giữ những cái có rồi, đừng để nó bị mất.

3. Niệm căn: là chánh niệm trong Bốn Niệm Xứ.

4. Định căn: là ba loại định: sát-na định, cận định hay kiên cố định. Cái kiên cố định nó chỉ cho bốn tầng thiền.

Một người mà thành tựu bốn cái này thì dứt khoát phải có Tuệ quyền, Tuệ căn. Nhưng vì căn cơ của người trước mặt thì Thế Tôn chỉ nói bốn thôi. Ngài thấy người này chỉ nói bốn thì nó hợp hơn là nói năm, vì nó nhiều với họ.

Cũng có một lời giải thích nữa, đó là khi mà Ngài nói bốn, tức đây là một cách nói gợi ý. Tức là người ta hiểu chưa tới nơi tới chốn cái Tín, Tấn, Niệm, Định, cho nên người ta phải cần đến Tuệ. Nếu hiểu rất ráo bốn căn này thì không cần kể Tuệ căn cũng được. Nếu ta lúc nào cũng nghĩ khư khư phải kể năm, điều đó chứng tỏ rằng ta hiểu chưa có rất ráo.

Bởi vì bằng chứng là Tăng Chi mình đã học rồi. Có chỗ Đức Phật Ngài dạy chỉ có hai: Chỉ, Quán thôi:

“Này các Tỳ-kheo, có hai giáo pháp mà khi tu tập tới nơi tới chốn thì sẽ dẫn đến cái sự chấm dứt phiền não và kết thúc sanh tử. Đó chính là Chỉ và Quán.”

Chuyện thứ nhất: so với cái bài kinh này thì Ngài nói còn hơi nhiều, trong khi có kinh Ngài nói có hai là Chỉ và Quán thôi. Cho nên trong kinh này, nếu mình hiểu rất ráo và có được một cách rất ráo thì đương nhiên là có được Tuệ quyền. Có đủ bốn căn này sẽ có Tuệ căn; khi thiếu Tuệ căn thì ta cũng không thể có rất ráo bốn căn này.

Mỗi chi đạo hỗ trợ cho bảy chi đạo còn lại và được sự hỗ trợ từ bảy chi đạo kia. Tại sao phải nói như vậy? Bởi vì qua cách nói này ta mới thấy rằng: các pháp hữu vi nó luôn luôn tồn tại, vận hành theo cách là nhân quả tương quan.

Nhân quả tương quan

Ví dụ nói đến cái ác: mình thấy vô minh nó tạo ra thiện hành và pháp hành. Từ cái thiện hành, pháp hành nó mới dẫn tới tái sanh. Từ đó nó mới dẫn tới sự có mặt của sáu căn. Mà hễ có sáu căn là sẽ có sáu xúc, sáu thọ. Nếu mình không có tu tập thì sáu thọ nó lại làm nền cho sáu ái, tứ thủ, hai hữu và tứ sanh. Rồi từ đó nó mới sanh ra già,

đau, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Và ngược lại, chính cái sầu, bi, khổ, ưu, não đó, cộng với sự hỗ trợ của tứ lậu, nó lại sanh ngược lại cái vô minh.

Có nghĩa là: phiền não nó là nhân, nhưng mà chính nó lại được tạo ra bởi một cái nhân khác trong quá khứ. Nhân là tạo ra quả, nhưng bản thân cái nhân nó lại được tác động bởi một cái quả khác trong quá khứ. Mà cái quả đó lúc bấy giờ nó cũng là nhân.

Nghĩa là mình được tạo ra từ má mình, nhưng má mình lại là quả của bà ngoại. Bà ngoại là nhân của má mình, nhưng mà lại là quả của bà cố. Đại khái nó cứ như vậy.

Cho nên dẫu thiện hay ác, miễn là pháp hữu vi thì luôn xuất hiện và vận hành theo nguyên tắc nhân quả. Cái này là quả của cái kia, lại cũng là nhân cho cái nọ. Bài này nếu phân tích ra nó sâu lắm, chứ trong chánh kinh bản tiếng Việt nó chỉ có ba hàng thôi.

Cái gì trên đời cũng là do nhân tạo ra và bản thân nó lại là nhân cho cái khác. Đây là luật của pháp hữu vi. Mọi thứ ở đời đều tạo ra cái khác và bản thân nó lại cũng là nhân để tạo ra một cái khác nữa.

Đây là lý do vì đâu mà luật nhân quả nó quan trọng và nó có một vị trí phải nói là hàng đầu trong đạo Phật. Là vì hễ chúng ta còn quẩn quanh trong vòng nhân quả thì còn phải quẩn quanh trong vòng tam tướng. Bởi vì tam tướng và nhân quả nó là không thể rời nhau.

Bản thân nó có mặt là nhờ vô số điều kiện, vô số nhân duyên. Chỉ cần một trong số những điều kiện, những nhân duyên ấy mà có trục trặc, có thay đổi, có biến tướng thì cái quả nó cũng trục trặc, nó cũng thay đổi, nó cũng biến tướng.

Bằng chứng: hai người có cùng đạo tâm như nhau, cùng làm một việc phước như nhau, trước một đối tượng giống hệt nhau, nhưng vì cái nền tảng tâm thức của hai người này có điểm không giống nhau, nên mai này cái quả nó mà trở ra cho A nó

không giống B. Là bởi vì do nhân có khác nên quả có khác. Nhân tương đồng thì quả tương đồng.

Như Lai

Thí dụ như mình thấy: tại sao được gọi là Như Lai? Vì Như Lai có nhiều nghĩa lắm.

Tatha cộng với agata: vị đã đến như vậy.

Tatha cộng với gata: vị đã ra đi như vậy.

Vì tất cả chư Phật đều có quá trình ba-la-mật giống nhau, trên nền tảng tâm nguyện giống nhau. Quả vị càng cao thì điểm giống nhau càng lớn. Quả vị càng thấp thì điểm khác nhau càng lớn.

Ví dụ: vàng 10 và vàng 24 lúc nào cũng có điểm giống nhau. Còn vàng pha, như bên Mỹ tệ lắm thì có vàng 14 và 18 trở lên thôi. Bên châu Âu còn có vàng 9, tức một nửa là vàng, một nửa là bạc, đồng, thau hay cái gì đó đại khái như vậy. Tức là bên châu Âu còn có vàng 10, vàng 12, vàng 14, vàng 18.

Hễ càng thấp thì điểm khác càng nhiều, nhưng mà lên đến càng cao thì, chẳng hạn mình biết số code của vàng 18 là 750. Số code của bạc là 925, của platin là 950. Bởi vì càng lên cao nó mới có số code đó; chứ mà càng thấp thì thôi đẹp mấy con số đó luôn, bởi vì nó pha tùm lum trong đó hết.

Ở đây cũng vậy, cái quả vị Chánh Đẳng Giác là quả vị cao nhất. Sắp xếp như sau: Toàn Giác, Độc Giác, Thượng thủ tinh văn, Đại tinh văn, có biệt hạnh thì điểm đồng rất lớn. Ngoài ra đó thì điểm đồng nhỏ hơn nhiều.

Tức là sao? Tôi xin kể chuyện hơi phong thần chút nha: Bồ-tát Chánh Đẳng Giác chánh niệm tỉnh giác nhập thai. Tức là rời ở trên Đâu Suất xuống bụng mẹ trong chánh niệm tỉnh giác. Lúc trụ thai trong bụng mẹ cũng chánh niệm tỉnh giác.

Lúc xuất thai cũng chánh niệm tỉnh giác. Đó là vị Chánh Đẳng Giác, Toàn Giác.

Còn Độc Giác là chánh niệm tỉnh giác lúc nhập thai, chánh niệm tỉnh giác lúc trụ thai, nhưng mà không có chánh niệm tỉnh giác lúc xuất thai. Hai vị Chí thượng, Ngài Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, cũng y chang như vị Độc Giác. Tức là chánh niệm tỉnh giác lúc nhập thai, chánh niệm tỉnh giác lúc trụ thai, nhưng mà không có chánh niệm tỉnh giác lúc xuất thai.

Một điều này nữa mới phong thần dữ dội nè: trong bộ tuần hoàn, tiêu hóa, bài tiết của vị Độc Giác và Chí thượng như Ngài Xá Lợi Phất hay Mục Kiền Liên. Vị Toàn Giác thì thôi khỏi nói rồi. Là họ không có những tạp chất không cần thiết như phàm phu.

Ở trong ruột già của phàm phu thường có máu, ít hoặc nhiều hay gì thì mình không thấy, nhưng mà nó có mùi tanh hôi. Riêng vị Độc Giác và hai vị Chí thượng thì bài tiết nó không có mùi hôi nhiều như các hạng chúng sanh khác. Tức là chánh niệm tỉnh giác lúc nhập thai và trụ thai đã đành rồi. Nhưng cái đời sống bình nhật của ba nhân vật này thì cái đường bài tiết nó cũng khác.

Có nghĩa là càng lên cao thì cái điểm đồng nó càng lớn. Còn các vị nó mà thấp xuống nữa thì cái điểm đồng nó ít đi. Cho nên cái luật của Phật pháp, cái luật của vũ trụ là nó có ba điểm tương quan của pháp hữu vi. Đó là cái gì nó cũng là do nhân tạo, và cái gì nó cũng là nhân để tạo ra cái khác. Nằm được cái luật đó cho vững thì ở đây mình mới hiểu bốn cái này: Tín, Tấn, Niệm, Định. Tín tức là Chánh tín.

Tôi nói cái này các vị đừng có buồn. Trong mắt tôi, Phật tử Việt Nam mà đáng gọi là Chánh tín là mò kim đáy biển. Mà Chánh tín mà hiếm rồi thì Chánh kiến cũng như đáy biển mò kim. Bởi vì Chánh tín mà không có thì Chánh kiến ở đâu ra. Rồi các vị hỏi tôi: Sư dựa vào đâu?

Tôi dựa vào chỗ này: các vị tự hỏi lòng đi, có bao nhiêu lý do dẫn Phật tử vào học Phật pháp?

Đi vào chùa là do bà ngoại đi, má đi, mình bèn đi. Vào chùa là tại vì bữa đó má mất, ba mất, nhờ mấy thầy tụng kinh, rồi mới gửi cốt vào chùa, thế là mình đi. Vào chùa là

do mình có chuyện buồn, thế là mình đi. Vào chùa có nghĩa là tìm một chút an ủi tâm linh, tinh thần, thế là mình đi.

Còn bên hải ngoại còn có một lý do nữa: là vì đó là điểm họp mặt của đồng hương. Nhớ quê quá, giao thừa, tháng Bảy vô chùa kiếm đồng hương mà nói dóc.

Chưa kể có những người đưa ra những lý do mà tang thương nữa. Đó là họ vào chùa vì ở đó có mấy cái hội chợ thực phẩm. Ở đó có bán bánh xèo, đồ chay, những cái thứ mà họ không có thấy bên ngoài. Bởi vì có những tiểu bang cộng đồng người Việt ít quá đi. Nên họ chỉ trông cậy vào những ngày hội, nhà thờ hay chùa, nên là cứ chỗ đó mà họ cắm đầu vào chùa. Cắm riết hồi nó nghiện tương chao rồi nó đi luôn.

Các vị biết trong kinh giải thích thế này:

Toàn bộ thế giới này gồm các cảnh giới và vô lượng chúng sinh đều nằm gọn trong ba khổ:

1. Khổ khổ: là sự khó chịu của thân tâm, tức sự có mặt của những gì khiến ta khó chịu.
2. Hoại khổ: là sự vắng mặt của những gì làm ta dễ chịu.
3. Hành khổ: là bản chất lệ thuộc các điều kiện mà có.

Trong kinh ghi rõ thế này:

Người hạ căn chỉ gặp khổ khổ mới sợ rồi tu hành, có nghĩa là gặp cái điều sốc.

Hạng trung căn chỉ gặp hoại khổ đã biết tu hành.

Hạng thượng căn thì chỉ nhìn vào bản chất lệ thuộc điều kiện đã buông hết mà đi.

Nhiều kinh ghi thế này nhưng tôi chỉ trích một kinh, đó là Kinh Roi Ngựa mà ta đã học tuần trước. Bây giờ nhắc lại cái kinh Roi Ngựa mà mình mới học:

Có nghĩa có con ngựa nó thấy bóng roi nháng lên là nó dọt rồi. Có con ngựa phải quất một cây nó mới dọt. Có nghĩa là có cái hạng là nó chỉ nghe chuyện buồn của người ta, nghe động đất sóng thần là nó đã tu rồi. Hạng thứ hai là phải người thân của nó, bạn bè của nó bị nó mới tu. Hạng thứ ba có nghĩa nó bị đại họa lâm đầu, rớt xuống đầu nó mới tu. Hạng thứ tư là chết bỏ không thêm tu.

Tức là ở đây hạng hạ căn phải bị sốc nó mới tu, phải gặp khổ khổ mới tu. Hạng trung căn là nó thấy hoa héo, người ta ly dị, cháy nhà, phá sản, chứng khoán mất giá là nó đã tu rồi. Còn cái hạng thứ ba là hạng thượng căn là ghê nhất. Họ chỉ nhìn thôi, họ thấy sao đời này nụ cười hay nước mắt nó đều phải lệ thuộc bởi vô số điều kiện. Và điều kiện nào cũng có thể là gốc của nước mắt hết, có điều là trực hay gián tiếp thôi.

Trong kinh nói: Ngài Xá Lợi Phất thấy khổ trong lạc, Ngài Mục Kiền Liên thấy khổ trong khổ. Có nghĩa là các vị ấy trí tuệ như nhau hết, nhưng mà Ngài Mục Kiền Liên là định mạnh. Người định mạnh khi mà quán tam tướng thì cái khổ tướng nổi bật. Có ba hạng Thánh:

Tức là đức tin mạnh, khi mà quán tam tướng thì cái vô thường tướng nó nổi bật, nên thánh trí của họ được gọi là vô tướng giải thoát. Bởi vì họ thấy cái gì nó cũng rã beng hết. Họ thấy nam, nữ, chư thiên, loài người, cái gì nó cũng chỉ là một nắm cát hết, nên cái đó được gọi là vô tướng giải thoát. Đó là cái hạng đức tin mạnh, khi quán tam tướng danh sắc thì cái vô thường nó rõ.

Hạng thứ hai là định mạnh, khi mà quán tam tướng thì cái khổ nó rõ. Cho nên cái thánh trí của họ được gọi là vô nguyện giải thoát. Có nghĩa là họ thấy quải quá, không còn thiết tha mong mỏi gì nữa hết.

Hạng thứ ba là trí mạnh, khi quán tam tướng thì cái tướng vô ngã nổi bật. Cho nên cái trí của họ được gọi là không tánh giải thoát.

Tôi nhắc lại một lần nữa: không tánh trong Phật pháp không phải là không có gì, nothing, mà là không có ai hết, nobody. Trong tinh thần của tuệ quán: không có chiếc

xe trong đồng phụ tùng, và ngược lại không có đồng phụ tùng trong chiếc xe.

Là vì sao? Là vì khi cái đồng phụ tùng được lắp ráp một cách hợp lý thì nó thành ra cái mà ta gọi là chiếc xe. Khi mà nó bị tháo rời ra từng phần thì khi ấy chiếc xe biến mất và lúc đó nó nhường chỗ cho cái đồng phụ tùng. Cho nên hễ muốn có chiếc xe thì không thấy đồng phụ tùng. Mà hễ thấy đồng phụ tùng thì chiếc xe phải biến mất.

Có nghĩa là không hề có cái tôi nào trong năm uẩn, bởi vì tất cả đều là đồ ráp. Như mình nói cây chuối thật ra là nó được lắp ráp từ những bẹ chuối. Tháo rời ra thì không có cái gì gọi là cây chuối hết. Khi ráp các bẹ đó lại thì ta gọi tên nó là thân chuối, cây chuối.

Trong cái bài kinh 151 này là chúng ta thấy tính tương quan nhân quả của các pháp tu: Tín, Tấn, Niệm, Định. Bốn cái này nó hỗ trợ cho nhau đồng.

Thời khi bốn cái này có mặt thì đương nhiên sẽ phải có Tuệ căn.

Trong Trung Bộ, Ngài dạy rằng: một hạt thóc được đặt đúng hướng thì dù muốn dù không cũng sẽ cắt đứt đồ vật. Khi bị đặt sai hướng thì dù muốn dù không cũng không cắt được gì. Cũng trong Trung Bộ, Ngài dạy rằng: khi củi khô được nhen lửa đúng cách, dù muốn hay không sẽ tạo ra lửa. Khi một trong các điều kiện tạo lửa bị thiếu thì dù muốn hay không lửa không thể có được.

Tức là khi bốn cái: Tín, Tấn, Niệm, Định nó có rồi, thì đây là bốn điều kiện tạo ra lửa Trí. Khi bốn ông thầy này có là tự nhiên ông Trí sẽ có mặt. Cho nên trong Trung Bộ Ngài đưa ra hai ví dụ rất độc đáo như trên. Mà tại sao Ngài ví dụ là hạt thóc? Là vì trong bối cảnh đó, trước mặt Ngài, những người này nghe ví dụ đó họ sẽ có ấn tượng.

Cái hạt thóc nó bén lắm, thậm chí ở Việt Nam có người dùng hạt thóc xĩa răng nữa. Hạt thóc nếu mà để đúng hướng thì nó cắt tới cái gì luôn. Nếu quý vị không tin, vào hũ gạo lượm một hạt chọt vô mắt là biết, nó nhọn hoắt à.

Điều kiện tạo lửa cũng vậy. Khi mà củi khô có đồ tạo ra lửa, thí dụ như đá lửa, thì tự nhiên cái sự cọ xát đúng mức, đúng cách. Khi các điều kiện tạo lửa nó đủ thì nó bèn ra lửa ngay.

Tôi nhớ có bài thơ của Tô Đông Pha tên “Cầm Thi” như sau:

Nhược ngôn cầm thượng hữu cầm thanh,
Phóng tại hạp trung hà bất minh?
Nhược ngôn thanh tại chỉ đầu thượng,
Hà bất vu quân chỉ thượng thính?

Nghĩa:

Nếu nói trên đàn cầm có tiếng đàn,
Đặt đàn trong hộp sao không kêu?
Nếu nói âm thanh ở trên đầu ngón tay,
Sao trên ngón tay không nghe được?

Tiếng đàn không có trên ngón tay, cũng không có trong cây đàn. Nhưng khi ngón tay và cây đàn gặp nhau thì ta sẽ nghe được tiếng đàn. Bài thơ này phải nói là cực kỳ thông minh. Tôi nhắc lại: trong ngón tay không có tiếng đàn, trong dây đàn không có tiếng đàn. Khi hai món này gặp nhau, đó là nói gọn; còn nói đủ là khi hai món này gặp nhau, cộng thêm kiến thức âm nhạc, cộng thêm blah blah... cảm hứng, thì nó sẽ ra một bản nhạc. Còn nếu mình không có kiến thức âm nhạc thì nó sẽ ra tiếng đàn mà không ra một bản nhạc.

Nó hay ở chỗ đó. Nếu cộng thêm kiến thức âm nhạc, đủ duyên thì quả nó sẽ thêm phong phú; còn nếu thiếu duyên thì cái quả nó sẽ hạn chế.

Có một câu chuyện tào lao mà tôi kể hoài đó là: có bà đó đi bác sĩ, bà nói là bà rờ đâu cũng thấy đau hết. Thì bác sĩ mới thử tùm lum, qua nhiều ông, mà chắc bà này chắc về chờ chết rồi. Đau mà đau toàn thân mà không có lý do, đây chắc là do tuyệt chứng

nan y. Thì bà mới đi đến ông bác sĩ già này khám, nói bà chỉ bị đau ngón tay thôi. Tức là bà đau ở đầu ngón tay mà bà không để ý là đầu ngón tay nó bị đau, nên bà rờ đâu bà cũng thấy đau hết.

Cho nên bài kinh này tôi dành đặc biệt để giải thích sâu, để về sau tôi không giải thích nữa. Sẵn cho bà con biết tại sao có nhiều chỗ Thế Tôn kể không hết, là vì mục đích cho mình thấy: khi duyên đủ rồi, người đó dù muốn dù không, phải giác ngộ.

Sẵn tôi kết bài kinh này bằng một đoạn kinh khác mà nhiều người không hiểu hoặc hiểu lầm: tu Tứ Niệm Xứ chậm lắm là bảy năm cũng chứng Thánh. Người nào không hiểu sẽ thấy: ủa tại sao đã vậy ta? Nếu tu Tứ Niệm Xứ bảy năm chứng Thánh vậy chứ hành giả đặc sạch rồi. Nhưng không đơn giản như vậy đâu.

Có hai chuyện phải lưu ý:

1. Tu đúng hay không.
2. Ba-la-mật mà không tròn sẽ không thể tu đúng. Do thiếu Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ, thiếu năm quyền.

Vì mình có chắc là trong bảy năm đó mình tu rất ráo hay không? Còn nhớ ba hạng hành giả không?

Đối với Niệm:

Hạng bậc hạ: tu theo đồng hồ. Tức là một ngày như vậy là ngồi bao nhiêu, đi bao nhiêu. Xong rồi muốn làm gì thì làm: coi phim, uống cà phê...

Hạng bậc trung: cũng tu theo giờ mà thời gian nhiều hơn. Đặc biệt khi mà ra khỏi giờ hành thiền, kinh hành thì họ làm toàn những việc lành thôi: là nghe pháp, chùi cầu, rửa chén, chứ không làm cái gì bậy bạ hết.

Hạng bậc thượng: không có đồng hồ nữa. Buổi sáng thức dậy là sống chánh niệm suốt 100% tới lúc ngủ trở lại ban đêm thôi.

Đối với Tuệ:

Người này có kiến thức căn bản về giáo lý hay không? Tôi nói điều này nhiều người buồn và giận dữ lắm nhưng không nói không được. Tôi rất hoang mang nhiều hành giả không biết giáo lý mà nói đi Miến Điện thiền là thiền cái gì. Các vị nói quán danh sắc, mà các vị có biết danh sắc mặt mũi nó ra làm sao không? Các vị có biết tâm thiện gồm cái gì hay không? Gồm có: Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ.

Rồi các vị có biết Tín là gì hay không? Khi mà tâm bất thiện nó xuất hiện, mình có biết nhận diện nó bằng cách nào? Mình có biết ngã mạn, bòn xén, ganh tỵ, tham, tà kiến nó là cái gì hay không?

Không học giáo lý thì làm sao mà biết cái đó là cái gì? Mà các vị không biết nó là cái gì thì lấy gì để mà nhận diện nó? Làm sao biết cái này nó đang sanh, cái này nó đang diệt, biết rằng tâm tham đang có mặt... Làm sao mình biết quán sanh diệt? Mặc dù tu quán là mình chú trọng sanh diệt chứ không chú trọng thiện ác. Đúng. Nhưng ít ra mình biết nó là cái gì chứ? Không biết danh là gì, sắc là gì, thì tôi cũng lấy làm lạ những vị hành giả đó giáo lý không biết cái gì hết, thì họ tu Tứ Niệm Xứ là họ tu cái gì?

Đừng có dựa vào kinh nói thời Phật người ta không có học mà người ta đắc. Xin thưa, nó có hai lý do:

1. Người dạy họ là ai? Nội cái đó là mình thấy mình không có rồi đó. Người dạy cho những người đó toàn là thánh không à.
2. Mình có dám bì ba-la-mật của mình với mấy người đó hay không? Ví dụ có ông già, bà cụ hay ông nông dân gì đó thời Đức Phật. Mình có dám bì mình với những người đó hay không? Mình có dám nói trí, ba-la-mật, phước báu của mình với mấy người đó hay không?

Cho nên về trò đó là đã không bằng rồi. Còn về thầy, cái ông thầy dạy mình bây giờ có bằng Đức Phật ngày xưa hay không? Mình chỉ so hai vụ thầy và trò, xưa và nay thì đừng lười học giáo lý.

Do đó nhớ rằng tu Tứ Niệm Xứ mà tu đúng thì trong bảy năm sẽ chứng Thánh. Nhưng mà nhớ hai chuyện đó là: tu đúng mới đắc, và ba-la-mật phải đủ tròn thì mới có thể tu đúng. Cho nên tu Tứ Niệm Xứ rất khó.

Và có ba lý do ta phải liên tục chánh niệm:

1. Biết chết lúc nào.
2. Biết sẽ đắc lúc nào.
3. Biết ta sẽ tạo nghiệp gì khi thất niệm.

Ở đây có người hỏi tôi tại sao nhiều hành giả Việt Nam bên Miến Điện được thiền sư xác nhận đắc chứng. Tôi phải nói thiệt, tôi có đọc một bài phỏng vấn Ngài Pa-Auk...

Sayadaw nói: “Tôi xác chứng hồi nào?” Tôi nhớ nguyên văn đại loại như vậy:

Hỏi: Thưa Ngài, một người đắc Sơ thiền là sở hành ngon lành, vì đâu nhiều vị đắc luôn tới Tam, Tứ định mà sở hành vô cùng thấy ghét?

Đó, họ nói như vậy đó.

Thì Ngài nói: Trước hết tôi phải xác định: tôi chưa từng xác nhận vụ đó. Bây giờ tôi mới kể lý do nè. Trong luật nói nha: “Tỳ kheo mà có chứng thiệt đi khoe cũng phạm ưng đối trị. Không chứng mà khoe thì phạm bất cộng trụ”, một trong bốn đại trọng giới khiến đương sự không còn là tỳ kheo nữa.

Các vị nghĩ dùm tôi, ai là người xác chứng? Nó khổ ở chỗ, cái người mà đủ tư cách xác chứng phải là người đắc. Bây giờ không nói ai mà nói tôi là Toại Khanh đang nói chuyện nè, tôi xác nhận cho ông A, bà B đắc. Chỉ cần ai đó hỏi nhẹ tôi một câu: “Sự

dựa vào cái gì mà sư xác chứng? Sư phải đắc chứ? Sư không nhận sư đắc mà sư nói thẳng Tèo nó đắc, có nghĩa là sư đã gián tiếp nói là sư đã đắc.”

Tại sao nhiều người Việt Nam mê cái vụ bất hợp lý này mà vẫn tin? Ai là người xác nhận? Dĩ nhiên phải là người đắc. Mà cái kẻ nào dám xác nhận, tức là cái kẻ đó gián tiếp nói là: “Tôi đắc.” Mà cái người đắc thiệt là họ đi, họ trốn không kịp, chứ có đâu mà họ đi khoe. Khổ vậy mà cả đám bu nhau mà tin cái gì.

Cho nên tôi nhắc lại: tu Tứ Niệm Xứ bảy năm là đắc, với điều kiện là tu đúng. Chứ anh vào tu mà anh ngáp, chờ chuông reo để anh dợt, đi shopping, thì bảy mươi năm anh cũng chưa có đắc nữa. Thứ hai là ba-la-mật thiếu thì làm sao anh tu đúng. Nó chưa ở chỗ đó, nên làm ơn hiểu nha.

Bốn lực: Tín, Tấn, Niệm, Định

Cũng gồm có bốn lực y chang như vậy: Tín, Tấn, Niệm, Định.

Bốn sức mạnh để chứng Thánh

Bốn sức mạnh để ta chứng Thánh gồm:

1. Sức mạnh của trí tuệ

Từ muôn thuở, ta nhiều kiếp là người thông tuệ, nhưng sự thông tuệ ấy không đủ đưa ta thoát kiếp sinh tử. Chỉ có trí tuệ trong Bốn Đế mới có thể giúp ta giải thoát. Tùy trình độ mà ta có trí tuệ đến mức nào trong Bốn Đế: văn, tư, tu.

Ví dụ: trong room mình đâu có ai đắc gì đâu, nhưng ít ra mình hiểu đại khái thế này:

Toàn bộ đời sống của phàm phu, những gì ta thấy, nghe, ngửi, nếm, đụng và suy tư, có nghĩa là sáu căn và sáu trần, nó đều là Khổ để hết. Bất cứ niềm đam mê nào trong sáu căn và sáu trần thì nó cũng đều là Tập để hết.

Mọi thứ ở đời là khổ. Niềm đam mê nào cũng là niềm đam mê trong khổ. Mà hễ càng thích khổ thì càng bị khổ. Bởi vì thích nó là mình đã đầu tư nó. Cứ nhớ như thế này: mọi thứ là khổ. Thích gì cũng là thích trong khổ. Thích trong khổ sẽ tạo thêm khổ. Muốn hết khổ, đừng thích trong khổ nữa. Đó là cái nguyên tắc muôn thuở, là câu thần chú để hiểu tất cả mọi trường hợp.

Trí này của người phàm phu chỉ ở mức văn và tư. Hành giả Tứ Niệm Xứ thì có thêm trí tu ở mức độ hạn chế là giảm nhẹ phiền não, nhưng không có dứt sạch.

Sơ quả thấy được Bốn Đế bằng Thánh trí sơ ngộ nên trừ được thân kiến. Chỉ còn luân hồi tối đa bảy kiếp.

Nhị quả thấy Bốn Đế hơn một tí, chỉ còn trở lui cõi Dục một lần nữa thôi.

Tam quả thấy rõ hơn một tí, không còn quay lui cõi Dục.

Tứ quả thấy rất rõ, cả cõi Thiên cũng không thềm nên không còn chỗ tái sinh nữa.

2. Sức mạnh của sự tinh tấn đúng mức

Nhắm vào bốn khía cạnh: ngăn ác, trừ ác, tu thiện, giữ thiện. Tu thiện, giữ thiện tức là phát triển những gì chưa có, và những cái thiện đã có thì giữ gìn để nó bị mất. Thì tinh tấn ở cái mức này, tinh thần này, nội dung này mới được gọi là Tấn lực.

Còn bao nhiêu nỗ lực của ta trong dòng luân hồi đều không nằm trong bốn điều mục này, nên nay ta còn ở đây. Tức là ta nỗ lực làm giàu, nỗ lực làm đẹp, nỗ lực để sanh thiên, nỗ lực để có thần thông thiên định để được về cõi này cõi kia... thì tất cả những thứ ấy không được gọi là Tấn lực, là bởi vì nó chỉ là những nỗ lực để bơi lội, để quần quanh trong ba cõi sáu đường thôi.

3. Sức mạnh của sự thanh tịnh tam nghiệp

Vô tội.

4. Sức mạnh của khả năng nhiếp chúng

Khả năng nhiếp chúng

Khả năng nhiếp chúng: sangahabala.

Tôi nhớ câu chuyện là cái mặt của vị cười cười mà có cái lỗ. Nhìn cái lỗ đó làm tôi liên tưởng trong một cái loại phô mai ở bên Thụy Sĩ tên là emmental. Nó nhiều lỗ. Thì có thằng bé bốn tuổi nó ghét cái đó lắm. Nhà nó hết phô mai, chỉ còn cái thứ đó à, thì nó cự với má nó:

“Trời ơi, cái phô mai gì mà lỗ không à, ghét quá, không ăn.”

Thì bà biết thằng bé này nó cái gì cũng ăn, chỉ tại nó kiếm chuyện như vậy. Thì bà mới kêu:

“Thôi, bây giờ con ăn, con chưa mấy cái lỗ lại.”

Thì nó thấy cũng có lý. Nó loay hoay hoài, không biết chừa chỗ nào, cuối cùng nó quất sạch luôn.

Các vị đừng có cười, vì cái chuyện này rất là sâu. Nhiều lần tôi muốn xăm lên mình mà nó hết chỗ rồi. Nó sâu ở chỗ nào? Thì ra mọi chuyện ở đời đều là tương đối. Sở dĩ mình thấy cái lỗ là vì nó có cái vành xung quanh. Vì có những chỗ nó có phô mai và không có phô mai, thì từ đó mới tạo ra cái lỗ. Thì hạnh phúc nó tạo ra đau khổ, và đau khổ nó lại tạo ra hạnh phúc.

Hạnh phúc nó tạo ra đau khổ là sao? Là chính vì mình có thích mà không được. Được rồi mà mình phải bảo quản. Mà bảo quản không được thì cũng khổ. Muốn không được là khổ. Mà được rồi giữ không được cũng là khổ. Nói đến đau khổ thì khỏi nói rồi, nghe nói đau khổ là biết nó đắng rồi. Đối diện nó là khổ, mà tránh không được nó cũng là khổ.

Cho nên hạnh phúc chính là mẹ ruột của đau khổ, mà đau khổ cũng chính là mẹ ruột của hạnh phúc. Hai cái này nó tạo ra nhau. Cho nên trong miếng phô mai, thằng nhỏ nó không muốn ăn bởi vì nó ghét mấy cái lỗ. Mà bà má nói mình cứ ăn phô mai, khi mà hết fromage thì mấy cái lỗ trên đó cũng mất. Cái câu chuyện này nó sâu như biển vậy đó. Mà khổ một chỗ là nhiều người coi câu chuyện này là câu chuyện cười.

Như tôi tâm đắc một chuyện, còn nhớ chuyện con gà không? Cái thằng đó nó bị tâm thần phân liệt. Nó ăn, nó cứ chui vô cái tủ trốn, thì gia đình mới đi lên bác sĩ.

Bác sĩ mới hỏi:

“Anh nghĩ sao mà anh trốn?”

Thì ảnh mới nói:

“Tôi là một hạt thóc, sợ bị gà nó ăn.”

Bác sĩ mới cho ảnh uống thuốc một thời gian thì ảnh nói bây giờ ảnh ngon rồi, bây giờ ảnh không còn là hạt thóc nữa rồi, ảnh đi về. Ít bữa sau gia đình lại đưa ảnh trở vô.

Bác sĩ nói:

“Sao nữa vậy cha?”

Ảnh mới nói:

“Em biết em không là hạt thóc nữa, nhưng không biết con gà nó biết không?”

Tức là ảnh đã khá hơn lúc đầu, ảnh biết ảnh không là hạt thóc nữa. Nhưng mà vấn đề đó là ảnh sợ con gà nó không có biết.

Nghĩa là anh ta vẫn còn mơ hồ về điều mình biết. Câu chuyện con gà cũng vậy. Như ta học đạo đủ thứ mà vẫn còn sân si.

Có nghĩa là mình biết mình không phải là hột thóc, thì cái đó nghe là thấy khoái rồi. Nhưng mà còn cái lấp lánh, lung linh, cái nỗi sợ con gà, nó không có biết. Nghĩa là sao? Có nghĩa là mình đã quên mất cái trọng lượng của hột thóc là bao nhiêu, trọng lượng của mình là bao nhiêu, trọng lượng của con gà là bao nhiêu.

Mình là 50 ký, mà là hột thóc thiệt thì con gà nó cũng không có ăn được, chứ đừng có nói chi mình không phải là hột thóc. Có chừng đó chuyện mà mình nắm không xong.

Cho nên tôi nói hoài: phàm với thánh khác nhau ở chỗ nào? Khác nhau ở chỗ: “Mình không hiểu lắm điều mình tin, nên mình không tin lắm điều mình hiểu.” Mình không dám sống chết với điều mình tin và điều mình hiểu là bởi vì sao? Là vì mình không hiểu lắm cái điều mình tin.

Còn thánh nhân: “Họ dám chết cho cái điều họ tin, họ dám chết cho cái điều họ hiểu.” Là vì sao? Là bởi vì họ tin rất ráo cái điều họ hiểu, lý do là vì họ đã hiểu rất ráo cái điều họ tin.

Mà cái này nói riết nó mòn lỗ tai, nhưng mà nó quan trọng lắm. Tại sao mình tu Tứ niệm xứ không tiến bộ? Là bởi vì ba-la-mật của mình nó không chín muồi. Nên ta không hiểu lắm cái điều ta hành, và ta không hành chết bỏ cái điều ta hiểu.

Hành gì thì hành, mà thấy đằng trước bà kia bả cứ lắc hoài là mình không có niệm được. Bả ngồi mà bả lắc; bà này thiền mà bả nói nhiều; bà này thiền mà sao ăn nhiều; bà này thiền mà sao bả đi hơi nhanh... Mình thiền mà mình cứ nhìn người ta không, cái tâm của mình thì không có dòm. Loại này thì hơi nhiều nha.

Năng nhiếp

Năng nhiếp ở đây nhiều chỗ định nghĩa là bốn cái nhiếp pháp đó, quý vị. Nó cũng là một thứ sức mạnh.

1. Khả năng kiểm soát mình là một nửa sức mạnh của chúng sinh.

2. Khả năng gây ảnh hưởng lên người khác là một nửa sức mạnh còn lại.

Vì có ai trên đời này sống chỉ có mình mình đâu. Ai trên đời này cũng sống có ta và có người, có trong và có ngoài. Tức là pháp môn tu hành, toàn bộ Phật pháp chỉ dạy mình chỉ nhìn thôi.

Tu là phải có khả năng:

Ở trên nhìn xuống: nhìn xuống để có khả năng bao dung, tha thứ.

Ở dưới nhìn lên: nhìn lên để học hỏi.

Ở trong nhìn ra: là để giao thoa với đời.

Ở ngoài nhìn vào: để cảm thông.

Sở dĩ mình sống thấy ghét là bởi vì mình không có bốn khả năng này. Mỹ nó có câu rất là hay: “Muốn hiểu ai thì phải đặt chân mình vào trong cái đôi giày của người ta.” Hiểu được mình là hiểu một nửa thế giới, hiểu được người là hiểu được một nửa còn lại.

Kiểm soát được mình là một nửa việc phải làm, nhưng mà gây được cái ảnh hưởng lên người khác đó lại là một nửa cái khả năng còn lại.

Các vị đừng có nói với tôi rằng các vị có khả năng kiểm soát bản thân và gây ảnh hưởng cho bản thân mình đó, chứ đừng nói là cho người khác. Cái đó tôi không có tin. Là bởi vì khi các vị muốn, các vị có kiểm soát được để cho nó đừng muốn nữa hay không? Khi các vị nổi điên, các vị có khả năng kiểm soát được hay không? Cho nên bản thân mình đã không có khả năng gây ảnh hưởng cho mình được, nói gì là người khác.

Tôi nhớ ở bên Hồi giáo có câu chuyện rất là sâu. Có ông đó ông nói: năm 20 tuổi tôi sẽ thay đổi cả thế giới. Năm 40 tuổi tôi muốn thay đổi mấy người chung quanh tôi.

Năm 80 tuổi tôi chỉ muốn thay đổi bản thân tôi thôi. Bởi vì càng về già, tôi càng thấy khả năng hạn chế của tôi.

Có nghĩa trước khi mà anh muốn hiểu thế giới thì anh phải hiểu anh trước. Trước khi mà anh muốn chinh phục, gây ảnh hưởng thế giới thì anh phải cần phải chinh phục được anh trước.

Bên Nho giáo họ có một câu là: chánh tâm rồi mới tu thân, rồi mới tề gia, trị quốc, bình thiên hạ. Cái tâm mình phải uốn nắn ok rồi mới tu thân, rồi mới có tề gia, trị quốc, bình thiên hạ. Còn nếu không có chánh tâm thì làm gì có tu thân. Mà không có tu thân thì làm gì có tề gia, trị quốc, bình thiên hạ.

Trong kinh có ghi:

“Thắng người trăm trận muôn nơi,
Núi cao chồng chất sương phơi chiến trường.
Thắng mình lòng ngát hoa hương,
Vẻ vang dũng tướng mười phương không bằng.”

Trong lịch sử quân sự thế giới, người mà thắng trận nó nhiều lắm. Nhưng cái người mà thắng được mình thì hình như đếm trên đầu ngón tay, nếu không kể trong Phật giáo.

Tàu có một câu gần giống như vậy đó là: “Chém đầu ngàn viên dũng tướng ngoài trận nó dễ hơn là thay đổi suy nghĩ của cái thằng thất phu.” Thằng thất phu là thằng tào lao.

Mình nghe câu đó nó hơi quá, nhưng mà nó đúng. Có nghĩa, ví dụ mình muốn giết một ngàn viên tướng thì bí quá không biết sao, mình liệng quả bom nguyên tử là nó chết sạch. Ít ra nó cũng có cái cách, mặc dù cái cách đó là impossible, không khả thi. Nhưng mà để thay đổi suy nghĩ một thằng ngu thì không biết có cái cách nào.

Có nghĩa là giết người thấy nó ghê thật đó, nhưng mà ít ra nó cũng có cách. Lấy trái bom nguyên tử chọi xuống Hiroshima là 140.000 em chết trong vòng 20 phút thôi, chứ đừng nói là một ngàn dũng tướng. Nhưng mà để thay đổi suy nghĩ của một thằng tào lao là chỉ có nước chết thôi, chứ không có cách chi mà thay đổi suy nghĩ. Nó đã chịu ngu rồi thì mình quỳ mình lạy, nó vẫn ngu tiếp. Càng lạy nó càng ngu.

Cho nên khả năng nhiếp chúng cũng là một trong những khả năng của một người. Có nghĩa là mình có khả năng kiểm soát bản thân và mình phải có khả năng kiểm soát người khác. Cái chuyện này dĩ nhiên tùy người mà chuyện này có cần thiết không. Nếu chỉ muốn yên thân nhàn hạ thì thôi. Muốn cứu đời giúp người thì ta phải có khả năng nhiếp chúng.

Bốn khả năng đó là:

1. Xả tài: biết dùng vật chất đúng chỗ, đúng mức để cảm hóa người.
2. Ái ngữ: biết dùng ngôn từ để cảm hóa người.
3. Lợi hành: biết nghĩ đến lợi ích của người ta trong mọi hành xử.
4. Đồng sự: biết sống hòa đồng, dù đôi khi chỉ hòa mà không nên đồng. Nghĩa là nhiều khi vì tinh thần hòa khí thì người ta sao mình vậy. Nhưng mà bắt đầu khi nó làm bậy là mình quẹo rồi. Ví dụ như mình sẵn sàng rửa chén, chùi cầu, nấu ăn... nhưng mà nó rủ mình đi câu cá là đẹp. Nó rủ mình đi đánh bài, nhảy đầm, uống rượu là mình đẹp. Nhưng mà ngoài những vụ đó ra thì mình có thể hòa đồng, mình sống vui vẻ, đi chung với nhau lúc nào cũng chia sẻ gánh nặng.

Tàu có một câu là: “Hòa quang nhi bất hỗn tục”, chan hòa ánh sáng với nhau thì nên, nhưng không nên cùng đục ngầu như nhau. Nghĩa là anh sạch thì tôi cùng sạch với anh, anh sáng thì tôi cùng sáng với anh.

Khi mà anh tối, anh đục thì tôi không có đi chung với anh. Cho nên hòa quang nhưng không có hỗn tục, hỗn độn, hỗn trộn. Khi mà anh dơ thì thôi, tôi né qua một bên.

Người Tàu họ nói: “Bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại”: có ba tội bất hiếu lớn:

1. Không phụng dưỡng cha mẹ.
2. Không ngăn cha mẹ làm chuyện bậy.
3. Không có con nối dõi.

Trong Phật pháp mình lại khác, ba cái trật tự này phải tính lại.

1. Không ngăn cha mẹ làm bậy: đây là điều quan trọng nhất. Nếu ba mẹ mình không làm chuyện bậy thì thôi, mình dẹp cái chuyện này. Nhưng nếu cha mẹ trong tam nghiệp có cái gì nên điều chỉnh thì mình phải nâng nó lên là số 1. Vì mình phụng dưỡng cha mẹ là mình chỉ hầu cha mẹ có đời này thôi, nhưng nếu mình ngăn cha mẹ làm chuyện bậy là mình giúp cha mẹ cả đời sau nữa. Thương như vậy mới là thương.
2. Không phụng dưỡng cha mẹ: trong kinh còn có một cái nữa là sống thì phụng dưỡng, chết thì hồi hướng.

Mẹ cha khuất bóng non đoài,
Làm lành hồi hướng cho hai thân nhờ.

Còn sống thì phụng dưỡng về tinh thần, vật chất. Tinh thần là nhắc nhở cha mẹ, còn vật chất là phụng dưỡng cơm bưng nước rót. Còn cha mẹ mất rồi thì phải hồi hướng, vì biết đâu họ nhận được.

3. Không có con nối dõi: cái này thì là tùy duyên. Có nhiều khi lý do không có con nó nằm ở mình, có khi nằm ở bà xã, có khi nằm ở hai đứa. Nhiều khi bận quá, cái nó quên cũng có nữa. Cái đó không có sao hết.

Cho nên mình thấy, đối với cha mẹ mình còn phải ngăn lỗi lầm, thì hướng chi đối với bạn bè, đối với đại chúng. Có nghĩa là mình hòa đồng thì mình hòa, chứ mình cũng không chấp nhận a dua, a tòng, phù cái bậy của họ.

Nếu mà cắt khúc, các vị sẽ ngạc nhiên tại sao tôi đang nói chuyện kia lại nhảy qua chuyện này, là bởi vì trong đạo Phật mình coi cái đó quan trọng lắm. Bốn cái Tứ nhiếp pháp là bốn cái sức mạnh.

Lực

“Này các Tỷ-kheo, có bốn lực này. Thế nào là bốn? Giản trách lực, tu tập lực, vô tội lực, năng nhiếp lực. Này các Tỷ-kheo, có bốn lực này.”

“Cattārimāni, bhikkhave, balāni. Katamāni cattāri? Paṭisaṅkhānabalaṃ, bhāvanābalaṃ, anavajjabalaṃ, saṅgahabalaṃ. Imāni kho, bhikkhave, cattāri balāni”ti.

1. Paṭisaṅkhānabala: là ám chỉ trí tuệ.

2. Tu tập lực: ám chỉ việc tu tập bảy giác chi.

3. Hai điều sau đã giải thích. Vô tội lực: là sự thanh tịnh trong tam nghiệp.

Trong kinh Ước Nguyện, Trung Bộ, Phật dạy: ai ước muốn gì đi nữa thì cũng phải lấy thiện pháp làm sức mạnh thực hiện. Là vì một người mà thiếu thiện pháp là coi như người đó bị bại liệt. Muốn cái gì, trăm thứ, trăm sự ở đời đều là bất khả. Khi mà ác nghiệp nhiều quá thì không có làm ăn được gì hết. Cho nên bản thân của sức mạnh tam nghiệp nó là nguồn sức mạnh vô biên.

Thanh tịnh trong tam nghiệp là đồng nghĩa với công đức, đồng nghĩa với phước báu. Mà người có phước báu thì muốn có sắc, muốn có tiền, muốn có danh, muốn có quyền, muốn cái gì cũng có. Thiếu phước thì cái gì cũng không được.

Sẵn đây tôi nói luôn một chuyện: có bao nhiêu người đọc sử, đọc sách, đọc văn chương mà họ không để ý. Đó là thường người nghèo là họ học giỏi. Còn giàu là nó lười, nó dờ. Lý do không phải do nó ngu đâu, mà là vì nó có nhiều lý do về nhân xa và nhân gần.

Nhân xa: khi mình thường tập trung lo cho cái này thì mình bị thiếu cái kia. Khi mình lo về trí thì mình thiếu về cái bổ thí. Thiếu về cái sức khỏe là do mình không có lo về đức. Hễ mà lo tập trung cái này thì thiếu cái kia. Đó là nhân quá khứ.

Nhân hiện tại thì nó giàu quá, gốc nó bự quá, nó học làm chi. Việt Nam mình có một câu: “Nhà mặt phố, bố làm to.” Hai cái đó là khỏi học hành gì hết. Nhà mặt phố là nhà mặt tiền đó. Coi như là khỏi làm gì hết, mặt tiền như ở quận 1, quận 5, quận 10, quận 3. Bốn quận này một tháng cho tụi nước ngoài thuê làm văn phòng, một tháng 2.000-3.000 đô là có liền.

Bố làm to là bố là gốc bự, mà ông bố lúc nào cũng thuộc lòng cái câu: “Hy sinh đời bố, củng cố đời con.” Có nghĩa là đời ông có thể là hạ cánh không an toàn, nhưng mà bằng mọi cách ông chuyển tiền của ông ra nước ngoài cho đời con được huy hoàng. Cho nên hễ mà gốc bự là thường giàu sang nên nó học dở. Còn đứa dở nó học giỏi bởi vì nó phải tìm cách nó ngoi lên.

Sẵn đây tôi có nhớ một câu danh ngôn: “Đừng tự hào là tôi nghèo mà tôi vẫn giỏi. Phải tự hỏi vì đâu tôi giỏi mà tôi vẫn nghèo.” Chỉ cần chỉnh cái suy nghĩ một chút là mình sẽ khá hơn.

Cho nên cái vô tội lực nó lớn chuyện lắm. Nghĩa là tam nghiệp thanh tịnh là anh có phước, anh có đức. Mà có đức là mặc sức mà ăn, nghĩa là anh muốn cái gì thì anh có cái đó.

Trở lại bài kinh Ước Nguyện, Phật dạy rằng:

“Này các Tỳ-kheo, một Tỳ-kheo nếu muốn được cúng dường, được lễ bái, y áo như ý, thực phẩm như ý, trú xứ như ý, thuốc men như ý. Thậm chí một Tỳ-kheo mà muốn được sanh về cõi này cõi kia.”

Ngài nói mẹo. Muốn được sanh về cõi dục, cõi Phạm thiên. Và cuối cùng, một Tỳ-kheo mà muốn chứng đắc thánh trí, chấm dứt sanh tử. Tất cả các ước muốn đó phải

được thực hiện bằng cách tu hành tinh tấn.

Đọc khúc trên thì thấy nó kỳ: không lẽ Đức Phật kêu mình mê danh vọng hay sao? Nhưng mà đọc kỹ đi. Ngài dạy muốn được lễ bái, y áo, chỗ ở, thực phẩm như ý, được sanh cõi này cõi nọ, và cuối cùng muốn được giải thoát sanh tử. Muốn gì thì muốn, chuyện đầu tiên là phải tinh tấn tu hành. Một khi đã muốn tinh tấn tu hành thì còn muốn cái gì nữa hả trời.

Giống như Ngài Nanda cưới cô vợ đẹp lắm. Ngay trong hôn lễ, Phật về, Phật nhìn Ngài Nanda, Phật biết. Khi mà Ngài thuyết pháp xong thì hoàng tộc cúng dường cho Ngài rồi Ngài về. Đi đến thềm sân của hoàng cung thì Ngài Nanda theo phép tiễn Đức Phật ra đến đó. Thì Phật không nói tiếng nào hết, mới đưa bình bát này Nanda.

Thì Ngài Nanda, trong kinh nói Ngài thương Phật lắm. Ôm bình bát đi theo mà cứ nghĩ trong bụng chắc ra tới bậc thềm Phật lấy lại. Nhưng mà ra tới, Phật đi luôn.

Ngài Nanda nghe đằng sau có tiếng kêu: “Chàng về sớm, em chờ.” Chỉ câu nói đó không là Ngài Nanda nghe lòng như lửa đốt. Chưa hợp căn mà, câu đó quá là khó xử. Mà bây giờ thương Phật quá, quý Phật quá nên cứ đi. Cứ nghĩ đi dọc đường, ngã ba hay ngã tư Phật lấy bát lại, nhưng Phật không lấy mà Phật đi luôn. Cứ như thế mà về đến chùa thì Ngài mới hỏi Nanda vậy chứ:

“Đi tu nha.”

Các vị có biết tôi đọc tới đó mà tôi rùng mình. Tức là Ngài Nanda quý Phật tới...

mức mà Ngài trả lời như cái máy: “Dạ”.

Sẵn đây tôi kể chuyện trong chú giải nói rằng, có rất nhiều khi Đức Thế Tôn Ngài ngồi trước mặt chư Tăng mà Ngài thấy chư Tăng im lặng thì Ngài nghĩ thế này: “Nếu ta không mở lời thì dầu chúng Tỳ-kheo này phải im lặng suốt một đại kiếp, họ cũng sẽ im lặng”. Họ nể Phật đến như vậy, tức là cái đạo tâm, niềm tin nơi Phật. Họ

thương, họ quý Phật lắm. Chứ không phải như mình mà thờ Phật, đốt nhang, lạy tùm lum. Mà bữa nào vợ chồng gây lộn vẫn đứng bàn Phật chửi xa xả.

Bên Thụy Sĩ tôi có đến thăm hai vợ chồng Phật tử. Hai vợ chồng sống hạnh phúc, đầm ấm, anh em ngọt sớt. Đi ngang bàn Phật tôi thấy cái chuông nó bị thụt qua một bên. Bà vợ mới nói:

“Sư biết sao mà cái chuông nó bị như vậy không?”

Tôi nói:

“Không. Rớt hả cô?”

Cổ nói:

“Con chọi ống mà ống né kịp.”

Các vị tướng tượng, bình thường lạy Phật um xùm hết. Mà tới hồi nó gây, nó lên tới, cái chụp để nó chọi. Mà hên ông chồng không đánh cái chuông, chứ ống mà đánh cái chuông là bữa nay mình có cháo khuya rồi. Khủng khiếp! Cho nên mình thờ Phật mà không có Phật trong lòng.

Ngài Ananda là em chú bác, còn Ngài Nanda là em ruột cùng cha khác mẹ. Ngài Nanda giống Phật đến mức mà nhiều người họ nhìn họ lầm. Trong kinh nói khi Thế Tôn không phóng quang, nhiều người nhầm lẫn Ngài Nanda với Phật vì có tướng tốt giống nhau.

Cho nên lúc đó Ngài Nanda cứ xuất gia mà lòng đau như cắt, xuất gia mà bà xã ở nhà. Cuối cùng thì Ngài đưa Nanda lên cõi trời. Trên đường đi thì Ngài chỉ cho Nanda thấy một con khỉ mà nó bị cháy trong đám lửa rừng. Phật hỏi:

“Vợ người so với con khỉ này thì sao?”

Thì Ngài thưa:

“Dạ bẩm Thế Tôn, vợ con sao so với con khỉ này được. Vợ con là kiều nữ, là hoa khôi của quốc gia mà.”

Lát sau lên tới cõi trời Đao Lợi, Phật chỉ cho Nanda thấy năm trăm tiên nữ hầu Đế Thích. Phật hỏi:

“Vậy chứ vợ người có bằng mấy cô này không?”

Thì Ngài Nanda nói:

“Dạ thưa, so với năm trăm cô tiên nữ này thì vợ con giống như con khỉ hồi nãy vậy đó.”

Không phải Ngài bạc lòng mà nó xấu thiệt.

Thì Đức Phật nói:

“Nếu mà Nanda muốn thì cứ tinh tấn tu hành, thì năm trăm cô này ta hứa không phải là chuyện khó.”

May mắn là khi Ngài nghe như vậy thì cái lòng Ngài với bà xã ở nhà nó phai. Ở đây có người nói là Ngài bạc tình. Không phải. Là bởi vì cái ba-la-mật nó khiến phải như vậy. Đó là phải buông cái này nó mới có cái kia.

Về, Ngài tinh tấn tu hành. Chuyện đầu tiên là khi Ngài xa được đối tượng gần, mà đối tượng ở xa xa thì cự ly nó làm cho bớt nóng. Thay vì lửa gần xang, mà bây giờ là lửa gần rơm, mà rơm này không phải trong cây rơm, mà rơm này là rơm ở ngoài ruộng nên nó hơi xa xa, nên tu được.

Ngài đắc La-hán xong xuôi rồi, Ngài vào lạy Phật:

“Bạch Thế Tôn! Việc nên làm con đã làm xong. Xin Thế Tôn thu hồi cái lời hứa lại.”

Tại vì Đức Phật biết là cứ tinh tấn tu hành thì vị này đương nhiên không có màng tới cái lời hứa kia nữa. Nhưng mà thay vì Ngài nói trước cho biết, Ngài không nói. Ngài

chỉ nói:

“Nếu người tinh tấn tu học thì việc ta nói người có được năm trăm cô này ta bảo đảm không khó khăn.”

Sẵn ở đây tôi nói cho các vị nghe chuyện này mới thấy hết hồn. Nếu Thế Tôn và các Thánh thánh văn của Ngài còn luân hồi thêm một kiếp nữa thì tất cả đều phải về cõi Phi tưởng phi phi tưởng. Chỉ là giả định thôi, bởi vì các Ngài không còn chỗ nào để đam mê nữa. Tức là ba cái vụ mà tiên nữ gì đó là hết. La-hán thì đến cõi Phi tưởng phi phi tưởng cũng nhàm chán. Thậm chí không đam mê thích thú trong quả vị Thánh nhân của mình, nói gì là thứ khác.

Cho nên Đức Phật ngay cái lúc mà Ngài chưa thành Phật đã đắc thiên Phi tưởng phi phi tưởng. Một người mà đã đắc được cái tầng đó thì họ coi cái gì mà dưới đó nó vừa thô thiển, thấp kém, dơ bẩn, bất tịnh, xấu xí, tầm thường, rẻ tiền.

Còn mình, khi mình còn ở trong cõi dục, không đắc cái gì hết, thì còn thích tùm lum. Giống như con dòi thì thích đồng phân. Kên kên thì thích xác chết. Rồi có những loài ăn thịt sống thì thích thịt sống, máu tươi. Có những loài thích ăn rau, củ, quả. Có những loài thích ăn lá, ăn bắp. Con người mà người Miên, người Lào thì không thích ăn đồ ăn của Mỹ. Người Mỹ không thích ăn đồ ăn người Nhật. Người Nhật không thích ăn đồ ăn của Ý... Nói chung là chúng ta sanh ở cảnh giới nào, môi trường nào thì chúng ta chìm sâu trong cảnh giới đó.

Cái người mà đắc cõi Sắc giới, họ nhìn cõi Dục là họ gớm dữ lắm. Gớm từ tinh thần tới thể xác. Bởi họ thấy cái sự loi nhoi, lúc nhúc trong năm dục. Những người mà đắc thiên Vô sắc, họ nhìn mấy cha mà đắc thiên Sắc giới giống cái đám mà chưa phát triển vậy đó. Bởi vì họ chán sắc, người đắc thiên Vô sắc họ nhìn cái người đắc thiên Sắc thấp lắm. Bởi vì họ chán thì họ mới lên trên chứ.

Quay lại với vô tội lực: khi mà một người có tam nghiệp thanh tịnh thì họ có tất cả các sức mạnh. Thanh tịnh cỡ nào thì công đức cỡ nấy. Mà công đức cỡ nào thì khả

năng thành sự, khả năng hoàn tất cái chuyện mình muốn, của ta cũng theo đó mà nhiều hay ít, mạnh hay yếu.

Tôi đọc trong chú giải nói rằng cũng là một trong cái lời chú nguyện: lời chú nguyện của người phước nhiều mạnh hơn người phước ít. Của người thanh tịnh thì mạnh hơn không thanh tịnh.

Cũng trong chú giải nói: có một vị A-la-hán, Ngài không muốn gì hết nhưng khi cái chuyện nào cần thiết thì Ngài chỉ tới thôi. Trong khi nói là Long thần, Hộ pháp, Thiên long bát bộ, Thần Điều Đại Hiệp... là phải tập trung giải quyết cho Ngài.

Trong kinh nói Ngài Cakkhupala, Đại đức Hộ Mù, trước khi đi tu thì Ngài không có mù. Do cái nghiệp ngày trước Ngài làm cho người ta bị mù. Là bà đó bị yếu mắt rồi Ngài tới Ngài chữa thì bả lành.

Đúng như theo cái hợp đồng thì bả lành, bả sẽ trả cho Ngài số tiền lớn. Đằng này là khi bả được chữa lành rồi thì bả muốn quyt, cho nên bả nói:

“Con mắt của tôi vẫn còn chưa thấy.”

Ngài biết rằng bà này bả xạo, nên trong cái kiếp đó Ngài cho bả thêm một loại thuốc làm cho bả mù hẳn luôn, mù đúng như theo ý mà bả nói. Ngài tức quá nên Ngài làm cho bả mù luôn. Nhiều kiếp Ngài sinh ra bị mù. Đến kiếp chót, Ngài sinh ra mắt mũi ngon lành, không có gì hết. Nhưng mà khi xuất gia, những vị khác tinh tấn tu hành thì người ta chỉ mệt mỗi năm ngủ thôi. Còn Ngài càng tinh tấn thì con mắt của Ngài nó càng bị pressure, áp suất. Cuối cùng là nó bị hư con mắt luôn.

Khi Ngài bị mù rồi thì người em của

Ngài nghe tin là ông anh của mình bị mù, đi đứng sinh hoạt khó khăn, mới gửi con trai đi xuất gia cho nó đi theo hầu sư huynh, để đưa sư huynh từ trong rừng về quê quán, để có gì dễ chăm sóc.

Thì cái ông cháu ruột kêu Ngài bằng chú, ông bố kêu đi tu thì ổng đi chứ ổng đâu có thiết tha gì. Ổng tới, ổng gặp Ngài, ổng nói:

“Bây giờ con rước Ngài, sư bá, về nha, về để có gì bố lo cho Ngài.”

Thì hai bác cháu đang đi ngang qua cánh rừng, tự nhiên Ngài nghe một tiếng hát nữ lạnh lót trong rừng. Ông cháu liếc thấy cô gái này là cô gái chăn bò. Thanh niên mới lớn mà, thấy cô kia nhìn mình liếc liếc, cười mím mím sao đó. Ổng nghĩ là bả chịu. Nên ông cháu mới nói:

“Sư bá chờ con chút, con vô đây con đi toilet.”

Rồi ổng quẹo vô, ổng với cô kia lẳng nhăng này nọ một chút. Để ẹc vậy đó.

Thì Ngài Cakkhupāla không có thần thông gì hết, nhưng với huệ căn của vị Thánh, nghe có tiếng hát, rồi đưa cháu nó xin mình đứng mình chờ, lát sau tiếng hát mất. Xong lát sau trở ra thì nó nói:

“Sư bá ơi, mình đi nữa.”

Ngài đoán ra rồi thì Ngài hỏi:

“Người vừa làm cái chuyện gì đó phải không?”

Thì nó trả lời:

“Dạ đâu có đâu, sư bá.”

Nhưng với huệ căn của vị La Hán nên Ngài biết. Thì Ngài mới nói:

“Thà ta chết giữa rừng chứ ta không để cho người bất tịnh chạm vào tay của ta. Người đi đi, ta không để cho người cầm gậy của ta, chứ đừng có nói mà nắm tay. Người đi đi.”

Thì Ngài đuổi đứa cháu. Nó sợ, nó vừa khóc rồi nó bỏ đi mất, để lại ông sư bác giữa rừng.

Lúc đó Ngài mới suy nghĩ thế này: “Ta bị mù mà ở giữa rừng hoang thế này thì ta phải làm sao?” Ngài không sợ mà chỉ suy nghĩ thôi. Thì chỉ với suy nghĩ, chứ Ngài không có cầu khẩn Long Thần Hộ Pháp nha.

Thì lúc đó chỗ ngồi của Đế Thích nó nóng như một ngàn độ vậy đó.

Đế Thích mới suy nghĩ: “Chuyện gì vậy ta?” Đế Thích mới thấy một vị La Hán đang lâm nạn giữa rừng. Lúc đó Đế Thích, người có thần thông, lập tức hóa thành người bình thường đi xuống, cố tình tạo ra tiếng động.

Thì Ngài mới nghe tiếng động, Ngài hỏi:

“Ai đó?”

“Dạ thưa Ngài, tôi là khách bộ hành đi ngang qua rừng, mà hình như Ngài bị mù phải không? Thôi giờ đi đứng khó khăn thì tôi đưa Ngài về nha.”

Ngài nói:

“Cảm ơn người, ta giờ chỉ còn có một mình thôi.”

Thì Ngài vừa nói như vậy, đi được mấy bước thì Ngài nghe tiếng đàn ca hát. Thì Ngài hỏi:

“Rừng mà sao nhanh như vậy?”

“Dạ thưa Ngài, đã tới nơi rồi.”

Thì lúc đó Ngài biết người đưa Ngài đi không phải là người bình thường.

Thế là ông đem Ngài về tới chùa rồi ông mới bay trở về trời.

Chuyện đó cho các vị thấy rằng: Càng trong sạch thì sức chiêu cảm trời đất, nhân tâm càng mạnh. Tại vì do mình bày hầy quá, mình không có tin cái chuyện này. Vì cái người có đức trong vô lượng vũ trụ, trong vô lượng chúng sanh, moi làm sao mà ra được cái người không tham, không sân, không si hạ quý vị. Hiếm còn hơn là kim cương nữa. Cho nên cái nhân vật này có sức ảnh hưởng vô cùng lớn. Chúng ta vừa học xong vô tội lực là vậy đó.

Tiếp theo là Kinh Kiếp, Kappasuttam.

Kinh này đã giảng rồi, nói về thành, trụ, hoại, không của mỗi vũ trụ.

Tiếp theo là Ngài Xá Lợi Phất, Ngài nói rằng có dựa vào bốn điều là biết mình đang đi xuống: tham nhiều, sân nhiều, si nhiều.

Tiếp theo là có bà Tỳ-kheo-ni. Trong Chánh tạng có ghi là bà cho người mời Ngài tới để thăm bà đang bệnh. Nhưng mà trong chú giải nói là bà mê Ngài. Tiếng Pali patibaddhacitta: tâm ái luyến, nên bà mới cho người mời Ngài tới để nhìn Ngài.

Chuyện này là chuyện của ngày mai. Bây giờ mình nghỉ. Chúc các vị một ngày vui.